

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kiều O, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp I, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt có đơn.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Ấp I, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Tổ V, khu phố D, phường U, thị xã U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt có đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Kiều O trình bày:

Bà Lê Thị Kiều Oanh và ông Đặng Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 08-9-2005. Sau khi cưới, bà O và ông T chung sống tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T sống không không trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu về gây chuyện vô cớ, đập phá đồ đạc trong gia đình. Vợ chồng chung sống không chăm lo cho nhau, không yêu thương nhau, Vì hạnh phúc gia đình, bà O đã nhiều lần nói chuyện khuyên can ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Bà O và ông T đã sống ly thân từ tháng 8-2019 đến nay. Đầu năm 2020, bà O có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp để ly hôn với ông T nhưng do ông T đang sinh sống tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên không về giải quyết được và bà O cũng muốn cho ông T cơ hội để thay đổi tính tình, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng cho đến nay thì ông T vẫn không có gì thay đổi, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà O yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà O và ông T có 02 con chung là Đặng Hoài N, sinh ngày 12-5-2003 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 14-3-2001. Khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Đặng Hoài N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Con chung Đặng Thị Ngọc H đã trưởng thành nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn T trình bày: Ông T thống nhất với phần trình bày của bà Lê Kiều O về quá trình chung sống và kết hôn, con chung. Sau khi cưới, vợ chồng ông T chung sống tại xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau khi vợ chồng ông T chuyển đến Bình Dương sinh sống, cha mẹ của ông T cũng chuyển đến Bình Dương (sống kế bên phòng trọ của vợ chồng ông T) thì bà O có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ ông T, ông T đã nhiều lần nói chuyện với bà O nhưng bà O không thay đổi tính tình, do ông T buồn chuyện gia đình nên có uống rượu và có chửi mắng bà O. Ông T thừa nhận không phụ giúp kinh tế cho gia đình, ông T sinh sống ở tổ 6, khu phố 5, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên còn bà O sinh sống ở xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp từ tháng 8-2019 đến nay. Đã nhiều lần ông T liên hệ nói chuyện hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà O nhưng không được. Ông T xác định còn thương vợ con ông T không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông T và bà O có 02 con chung là Đặng Hoài N, sinh ngày 12-5-2003 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 14-3-2001. Do ông T không đồng ý ly hôn nên ông T không có ý kiến đối với con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có ý kiến và yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Kiều O và bị đơn ông Đặng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều Oanh và ông Đặng Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 08-9-2005, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại không sống cùng nhau từ tháng 8-2019, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T cho rằng còn thương vợ, con muốn đoàn tụ nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa cho thấy ông T không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ, đồng thời bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông T mâu thuẫn trầm trọng nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà O và ông T có 02 con chung là Đặng Hoài N, sinh ngày 12-5-2003 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 14-3-2001. Khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Đặng Hoài N. Xét thấy, hiện tại con chung Đặng Hoài N đang sống cùng bà O, bà O chăm sóc con chung đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, đồng thời cháu Nam có nguyện vọng sống cùng bà O nên bà O yêu cầu nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với con chung Đặng Thị Ngọc H đã thành niên, đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kiều O phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kiều O đối với ông Đặng Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Kiều O được ly hôn với ông Đặng Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Hoài N, sinh ngày 12-5-2003 cho bà Lê Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Bà Lê Kiều O và ông Đặng Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kiều O phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038250 ngày 15-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã h, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết